**TIẾT 29– 30: ĐỌC VĂN BẢN VÀ THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**VĂN BẢN 1. CÔ BÉ BÁN DIÊM**

(Hans Christian Andersen)

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Xác định được chủ đề của bài thơ;

- Nhận biết được số tiếng trong một dòng thơ, số dòng trong bài, vần của bài thơ *Chuyện cổ tích về loài người*;

- Nhận biết được những đặc điểm cơ bản làm nên đặc trưng của thể loại thơ: thể thơ; ngôn ngữ trong thơ; nội dung chủ yếu của thơ; yếu tố miêu tả, tự sự trong thơ, v.v…

- Nhận biết và bước đầu nhận xét được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua yếu tố tự sự mang màu sắc cổ tích suy nguyên, những từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ độc đáo.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Hướng học sinh trở thành người đọc độc lập với các năng lực giải quyết vấn đề, tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, trình bày, thuyết trình, tương tác, hợp tác, v.v…

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản *Cô bé bán diêm*;

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản *Cô bé bán diêm*;

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa của văn bản.

- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của văn bản với các văn bản có cùng chủ đề.

**3. Phẩm chất:**

- Hình thành và phát triển ở HS những phẩm chất tốt đẹp: Biết đồng cảm và giúp đỡ những người thiệt thòi, bất hạnh.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của GV**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Các phương tiện kỹ thuật, tranh ảnh có cảnh đêm Noel ở Châu Âu hoặc một đoạn phim ngắn được chuyển thể từ truyện *Cô bé bán diêm*.

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, SBT Ngữ văn 6 tập một, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi, v.v…

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** GV đặt cho HS những câu hỏi gợi mở vấn đề.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1:**  **Giao nhiệm vụ học tập**

**PP/KTDH:** kĩ thuật đặt câu hỏi.

*- GV đặt câu hỏi, yêu cầu HS trả lời:* Mỗi khi năm mới sắp đến, mọi người đều háo hức chuẩn bị đón chào. Vào đêm giao thừa, mọi người và em thường hay làm gì?

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

HS tiếp nhận nhiệm vụ

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

*- HS chia sẻ những suy nghĩ, cảm xúc của bản thân.*

(*Dự kiến sản phẩm:* Đêm giao thừa mọi người thường thức để đón năm mới. Đêm giao thừa thường có pháo hoa, mọi người xúng xính trong quần áo mới và đi chơi, chúc Tết*)*.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

*Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới:* Ở châu Âu, Noel là một ngày quan trọng. Đó là ngày Chúa Jesu ra đời. Sau Noel một vài ngày sẽ là năm mới. Trong một truyện ngắn của Andersen, vào đêm giao thừa, giữa những cảnh mọi người vui vẻ, quây quần, lại xuất hiện hình ảnh một em bé bán diêm lẻ loi, quần áo mỏng manh, đi chân trần trong tiết trời mùa đông giá buốt. Liệu em bé có được hạnh phúc quây quần bên gia đình đầm ấm như bao người khác? Hôm nay, thầy/cô trò chúng ta sẽ cùng tìm hiểu trong VB ***Cô bé bán diêm***.

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Đọc văn bản**

**a. Mục tiêu:** Nắm được thông tin chính về nhà văn Andersen và truyện ngắn *Cô bé bán diêm*.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1:**  **Giao nhiệm vụ học tập**  **PP/KTDH:** KT chia sẻ nhóm đôi để tìm hiểu về tác giả, KT đặt câu hỏi để HS tìm hiểu văn bản.  - GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp và trả lời câu hỏi:  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS báo cáo kết quả hoạt động;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chuẩn kiến thức Ghi lên bảng.  **GV có thể bổ sung thêm:**  - Đan Mạch là một đất nước Bắc Âu, diện tích chỉ bằng 1/8 diện tích của Việt Nam, có thủ đô là Copenhaghen. | **I. Tác giả, tác phẩm**  **1. Tác giả**  - Tên đầy đủ: Hans Christian Andersen;  - Năm sinh – năm mất: 1805 – 1875;  - Quê quán: Đan Mạch;  - Là nhà văn chuyên viết truyện cổ tích cho thiếu nhi. Bằng trí tưởng tượng phong phú, lãng mạn, ông đã sáng tạo nên một thế giới huyền ảo mà rất gần gũi với con người, cuộc sống đời thường.  **2. Tác phẩm**  - Các tác phẩm nổi tiếng: *Bầy chim thiên nga*, *Nàng công chúa và hạt đậu*, *Nàng tiên cá*, *Bộ quần áo mới của hoàng đế*.  - *Cô bé bán diêm* là một trong những truyện cổ tích nổi tiếng nhất của Andersen. |

**Hoạt động 2: Khám phá văn bản**

**a. Mục tiêu:** Nắm được nội dung và nghệ thuật của văn bản *Chuyện cổ tích về loài người*;

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1**  **Bước 1:**  **Giao nhiệm vụ học tập**  **PP/KTDH:** KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động nhóm cho HS.  - GV yêu cầu HS dựa vào VB, đọc và trả lời các câu hỏi:  *+ Nhân vật chính trong VB là ai?*  *+ Phương thức biểu đạt của VB là gì?*  *+ Truyện* ***Cô bé bán diêm*** *được kể bằng lời của người kể chuyện ngôi thứ mấy?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ;  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS báo cáo kết quả thực hiện;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức Ghi lên bảng.  **GV có thể bổ sung thêm:**  *Truyện* ***Cô bé bán diêm*** *đã được chuyển thể thành nhiều tác phẩm thuộc các thể loại: nhạc, nhạc kịch, phim.*  **NV2:**  **Bước 1:**  **Giao nhiệm vụ học tập**  **PP/KTDH:** KT đặt câu hỏi, động não, tổ chức hoạt động nhóm cho HS  - GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi và hoàn thành phiếu bài tập:  *+ Nêu các chi tiết miêu tả ngoại hình và cảnh ngộ của cô bé bán diêm. Những chi tiết đó giúp em hình dung như thế nào về cuộc sống của nhân vật?*  *+ Trong đêm giao thừa, mọi người được tác giả miêu tả như thế nào? Còn em bé bán diêm thì như thế nào? Cách miêu tả đó có tác dụng gì trong việc khắc họa hình ảnh đáng thương của em bé và sự thờ ơ, lãnh đạm của mọi người xung quanh?*  *+ Đọc lại một số câu văn miêu tả cách ứng xử của người đi đường trước tình cảnh của cô bé bán diêm. Em nghĩ gì về cách ứng xử của họ?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS tiếp nhận nhiệm vụ;  **Dự kiến khó khăn:** các em không xác định được đoạn văn miêu tả ngoại hình, cảnh ngộ của cô bé  **Cách khắc phục:** gv mời HS đọc lại từ đầu đến “mắng nhiếc, chửi rủa”  **Dự kiến sản phẩm:**  + Ngoại hình của em bé: ăn mặc mỏng manh, thiếu thốn; đầu trần; chân đất, đỏ ửng rồi tím bầm; bụng đói;  + Cảnh ngộ: Mồ côi mẹ, bà nội hiền hậu cũng đã mất, gia sản tiêu tán. Sống với cha trong một xó tối tăm, luôn bị mắng nhiếc chửi rủa;  + Đêm giao thừa: mọi người mặc đồ ấm, ở nhà ấm áp, sung túc; em bé bán diêm chỉ có một mình, ngồi ở xó tường lạnh. Miêu tả tương phản khắc sâu sự đáng thương của em bé và sự thờ ơ, lãnh đạm của những người xung quanh.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS báo cáo kết quả thảo luận;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức. Ghi lên bảng.  **NV2:**  **Bước 1:**  **Giao nhiệm vụ học tập**  **PP/KTDH:** KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động nhóm cho HS.  - GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi và hoàn thành vào phiếu học tập:  *+ Em hãy đọc VB và cho biết có mấy lần em bé quẹt diêm? Mỗi lần quẹt diêm, những hình ảnh nào đã hiện ra?*  *+ Những hình ảnh sau mỗi lần quẹt diêm thể hiện những ước mong nào của em bé bán diêm? Theo em, có thể thay đổi trình tự xuất hiện của các hình ảnh đó không?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ;  **Dự kiến khó khăn:** HS có nhiều câu trả lời về số lần quẹt diêm  **Cách khắc phục**: Gv yêu cầu HS cho biết lần quẹt diêm tương ứng với hiện ra những gì dể không bị sót.  **- Dự kiến sản phẩm:** *Tất cả có 5 lần quẹt diêm.*  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS báo cáo kết quả thảo luận;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. Ghi lên bảng.  **NV2:**  **Bước 1:**  **Giao nhiệm vụ học tập**  **PP/KTDH:** KT đặt câu hỏi, động não, tổ chức hoạt động nhóm cho HS.  - GV đặt câu hỏi:  *+ Theo em, cô bé bán diêm có được lên Thiên đường cùng bà không, hay đó chỉ là mộng tưởng?*  *+ Dù là cái chết thương tâm hay được lên thiên đường, nó cho thấy điều gì về xã hội hiện thực trong tác phẩm?*  *+ Kết thúc của truyện có hậu hay không?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ;  **- Dự kiến sản phẩm:**  + Đó vừa là cái chết thương tâm, vừa là một cách để em bé giải thoát khỏi cuộc sống khổ ải. Thiên đường có Chúa và bà của em là những hình ảnh siêu nhiên, mang tính chất niềm tin, có thể có, có thể không.  + Dù là cái chết thương tâm hay được lên thiên đường, nó phản ánh xã hội hiện thực đã lãnh đạm, thờ ơ với cuộc sống xung quanh, thiếu tình thương, sự quan tâm, chia sẻ với hoàn cảnh khó khăn của con người.  + Về mặt lý tưởng, kết truyện vẫn có hậu. Về mặt thực tế, kết truyện mang phần bi kịch. Đây là sự kết hợp độc đáo trong cách viết kết truyện của nhà văn.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS báo cáo sản phẩm thảo luận;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức | **II. Đọc – hiểu văn bản**  **1. Tìm hiểu chung**  - Người kể chuyện: ngôi thứ ba;  - Phương thức biểu đạt: tự sự;  - Bố cục: 3 phần  + Đoạn 1: Từ đầu... *đôi bàn tay em đã cứng đờ ra*: hoàn cảnh của em bé bán diêm;  + Đoạn 2: Tiếp theo... *họ đã về chầu Thượng đế*: Những lần quẹt diêm và mộng tưởng của em bé;  + Đoạn 3: Còn lại: Mọi người phát hiện ra cái chết của em bé.  **2. Tìm hiểu chi tiết**  ***2.1. Hoàn cảnh của em bé bán diêm và em bé trong đêm giao thừa***  *a. Cuộc sống của em bé bán diêm*  - Ngoại hình: giữa trời đông giá rét  + Đầu trần, bông tuyết bám đầy trên tóc xõa thành từng búp trên lưng  + Đi chân đất, đỏ ửng lên rồi tím bầm lại;  + Dò dẫm trong đêm, bụng đói rét.  Hình dung về hoàn cảnh, gia cảnh khốn khó của em bé.  - Gia cảnh:  + Mồ côi mẹ, bà nội hiền hậu cũng đã mất, gia sản tiêu tán;  + Sống với cha trong một xó tối tăm, luôn bị mắng nhiếc chửi rủa;  - Phải đi bán diêm để kiếm sống.  Tội nghiệp, đáng thương, thiếu vắng sự yêu thương, quan tâm, sự chia sẻ.  *b. Trong đêm giao thừa*  - Đêm khuya, gần giao thừa;  - Trời rét mướt.  Thời gian, không gian rất đặc biệt.  Sử dụng các hình ảnh tương phản (đối lập) đặt gần nhau.  + Tương phản giữa:  Cảnh sum họp đầm ấm, sung túc trong các nhà >< Cảnh đơn độc, đói rét, thiếu thốn về vật chất và tinh thần của em bé.  Tình cảnh thật khổ cực tội nghiệp, đáng thương: Cô độc, đói rét, bị đày ải mà không được ai đoái hoài, quan tâm, giúp đỡ.  ***2.2. Thực tế và mộng tưởng***  Quẹt 5 lần:  - 4 lần đầu: mỗi lần 1 que;  - Lần cuối: cả bao.  - Lần 1:  Ngồi trước lò sưởi lửa cháy vui mắt toả hơi nóng dịu dàng Vì em đang rét, muốn được sưởi ấm;  - Lần 2: Bàn ăn, đồ quý giá, ngỗng quay… Vì em đang đói, muốn ăn (gần 12 giờ đêm rồi);  - Lần 3: Cây thông Noel, ngọn nến sáng rực, lấp lánh… Em bé muốn được đón niềm vui, hi vọng vào năm mới;  - Lần 4: Thấy bà nội hiện về đang mỉm cười với em. Vì vậy lời cầu xin của em vang lên thống thiết sâu sâu;  - Lần 5: Em quẹt tất cả những que diêm còn lại trong bao. Mộng tưởng đẹp thể hiện khát khao cháy bỏng của cô bé về 1 cuộc sống tốt đẹp hạnh phúc.  Các mộng tưởng diễn ra theo trình tự hợp lý sau mỗi lần quẹt diêm:  - Khi diêm tắt, em bé trở về với thực tế phũ phàng  - Tương phản, đối lập, mộng tưởng đan xen thực tế...  Ý nghĩa: Thực tế cuộc sống chỉ là buồn đau, đói rét với người nghèo  ***2.3. Cái chết của em bé bán diêm***  - Sáng hôm sau – ngày đầu năm mới, mọi người phát hiện ra em bé đã chết: mặt ửng hồng, môi mỉm cười Sự giải thoát, về thiên đường, về với hạnh phúc, nó chỉ có ở một thế giới phi hiện thực.  Người đời lãnh đạm, thiếu tình thương  Cái chết vô tội, thương tâm.  **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật**  - Miêu tả rõ nét cảnh ngộ và nỗi khổ cực của em bé bằng những chi tiết, hình ảnh đối lập.  - Sắp xếp trình tự sự việc nhằm khắc họa tâm lí em bé trong cảnh ngộ bất hạnh. - Sáng tạo trong cách kể chuyện mang tính song song đối lập.  - Sáng tạo trong cách viết kết truyện.  **2. Nội dung, ý nghĩa**  Truyện không có một lời trữ tình ngoại đề nào của tác giả, nhưng đã thể hiện niềm thương cảm sâu sắc của nhà văn đối với những số phận bất hạnh. Là một cách nhắc nhở về thái độ của con người đối với cuộc sống. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**PP/KTDH:** Phương pháp trò chơi.

***-*** *GV yêu cầu HS trả lời một số câu hỏi trắc nghiệm:*

***Câu 1:*** Andersen là nhà văn nước nào?

a. Đan Mạch

b. Thụy Sĩ

c. Pháp

d. Thụy Điển

***Câu 2:*** Nhận định nào nói đúng nhất về tính chất của truyện Cô bé bán diêm?

a. Cô bé bán diêm là một truyện ngắn có hậu

b. Cô bé bán diêm là một truyện cổ tích có hậu

c. Cô bé bán diêm là một truyện cổ tích thần kỳ

d. Cô bé bán diêm là một truyện ngắn có tính bi kịch

***Câu 3:*** Nhận định nào nói đúng nhất nội dung của truyện Cô bé bán diêm?

a. Kể về số phận bất hạnh của một em bé nghèo phải đi bán diêm cả vào đêm giao thừa

b. Gián tiếp nói lên bộ mặt của xã hội nơi cô bé bán diêm sống, đó là sự thờ ơ, lãnh đạm trước hoàn cảnh khó khăn của con người

c. Thể hiện niềm thương cảm của nhà văn với những em bé nghèo khổ và những người có hoàn cảnh khó khăn

d. Cả 3 đáp án trên đều đúng

***Câu 4:*** Các chi tiết : “chui rúc trong một xó tối tăm”, “luôn nghe những lời mắng nhiếc chửi rủa”, “em không thể nào về nhà nếu không bán được ít bao diêm… nhất định là cha em sẽ đánh em”, “bà em, người hiền hậu độc nhất đối với em, đã chết từ lâu” cho ta biết những điều gì về cô bé bán diêm ?

a. Cô có một hoàn cảnh nghèo khó

b. Cô luôn bị người cha hành hạ, đánh đập

c. Cô phải sống cô đơn, thiếu tình cảm

d. Cả 3 đáp án trên đều đúng

***Câu 5:*** Trong văn bản Cô bé bán diêm, các mộng tưởng của cô bé bán diêm mất đi khi nào?

a. Khi bà nội em hiện ra

b. Khi trời sắp sáng

c. Khi em nghĩ đến những việc sẽ bị cha mắng

d. Khi các que diêm tắt

***Câu 6:*** Khi đánh que diêm thứ tư, em bé “nhìn thấy rõ ràng bà em đang mỉm cười với em”. Khi em đánh tiếp những que diêm còn lại trong bao diêm, em thấy bà to lớn và đẹp lão, bà cầm lấy tay em, hai bà cháu về chầu Thượng đế.

Ý nghĩa của mộng tưởng này là gì?

a. Khao khát tình thương của bà trao cho

b. Muốn được trường sinh bất tử

c. Muốn thoát khỏi cảnh ngộ đen tối “chẳng còn đói rét, đau buồn nào đe dọa”

d. Cả a. và c. đều đúng

***Câu 7:*** Nội dung mà tác giả muốn làm nổi bật trong câu văn sau là gì?

“Mọi người bảo nhau: “Chắc nó muốn sưởi ấm!” , nhưng chẳng ai biết những cái kỳ diệu mà em đã trông thấy, nhất là cảnh huy hoàng lúc hai bà cháu bay lên để đón lấy những niềm vui đầu năm”.

a. Mọi người không biết vì sao cô bé bán diêm lại chết

b. Sự thông cảm của mọi người trước cái chết của cô bé bán diêm

c. Sự xót xa của mọi người trước cái chết của cô bé bán diêm

d. Mọi người không hiểu điều kỳ diệu mà cô bé bán diêm khao khát

***Câu 8:*** Từ “lãnh đạm” được sử dụng trong văn bản có nghĩa là gì?

a. Tỏ ra căm ghét và khinh thường

b. Không có tình cảm yêu mến, quý trọng

c. Không có cảm giác hứng thú khi nhìn thấy

d. Không biểu hiện tình cảm, tỏ ra không quan tâm đến

**-** GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi, trả lời và trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1:**  **Giao nhiệm vụ học tập**

**PP/KTDH:** Viết tích cực

*- GV yêu cầu HS:* Viết đoạn văn (khoảng 5 – 7 câu) với nhan đề: Gửi tác giả truyện “Cô bé bán diêm”.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

HS tiếp nhận nhiệm vụ

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

*- GV gợi ý:* Nhan đề: Gửi tác giả truyện “Cô bé bán diêm” cho thấy hình thức đoạn văn là một bức thư. Bức thư này là bức thư nói lên suy nghĩ của em sau khi đọc xong truyện “Cô bé bán diêm”. Em có thể viết về niềm thương cảm của em dành cho cô bé bán diêm, có thể viết về sự đồng tình của em với suy nghĩ của nhà văn, hay em cũng có thể bày tỏ quan điểm của mình về cái kết không có hậu giống như trong truyện cổ tích.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

GV nhận xét, chốt lại kiến thức

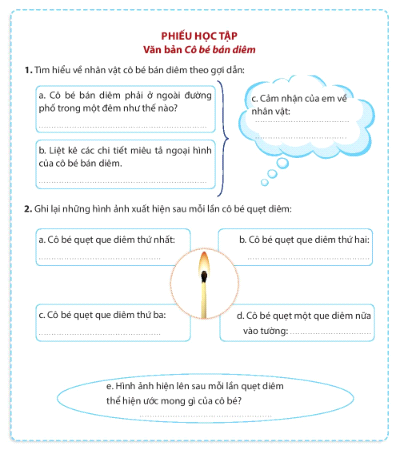
**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| - Hình thức hỏi – đáp;  - Hình thức nói – nghe (thuyết trình sản phẩm của mình và nghe người khác thuyết trình). | - Phù hợp với mục tiêu, nội dung  - Hấp dẫn, sinh động  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Phiếu học tập  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC**

**RUBRIC ĐÁNH GIÁ SẢN PHẨM ĐOẠN VĂN**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Mức 3** | **Mức 2** | **Mức 1** |
| **Nội dung** | - Đoạn văn có chủ đề rõ ràng, thống nhất.  - Các câu liên kết chặt chẽ.  - Sử dụng từ ngữ hợp lý, tự nhiên.  ***(5,5 - 7,0 điểm)*** | - Đoạn văn có chủ đề tương đối rõ ràng.  - Các liên kết khá chặt chẽ.  - Sử dụng từ ngữ tương đối hợp lý.***(3,0 - 5,25 điểm)*** | - Đoạn văn chưa rõ chủ đề.  - Các câu còn rời rạc.  - Có xuất hiện từ ngữ  ***(0 – 2,75 điểm)*** |
| **Hình thức** | - Diễn đạt linh hoạt, trôi chảy.  - Không mắc lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp***(2,0 - 3,0 điểm)*** | - Diễn đạt rõ ràng.  -Mắc rất ít lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp.***(1,25 – 1,75 điểm)*** | - Diễn đạt chưa rõ ràng.  - Mắc nhiều lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp.***(0 - 1,0 điểm)*** |



**Hướng dẫn về nhà:** Học thuộc bài, chuẩn bị tiết sau: Thực hành tiếng Việt.

**Rút kinh nghiệm: …………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………**

-----------------------------------------------------------------------------------------